

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27-10-2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Võ Ngọc Ba**

2/ Ông **Nguyễn Văn Bá**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Trúc Ph**, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Quốc D**, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông **Nguyễn Văn T**. (vắng mặt)

3.2. Anh **Phạm Văn H**. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc Ph trình bày: Chị và anh

Phạm Quốc D thành hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 05/5/2007. Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, không thể dung hòa trong cuộc sống vợ chồng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có. Chị yêu cầu ly hôn với anh D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện chị Ph có nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi cư trú, giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 20/9/2017, người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày: Anh Phạm Quốc D có đăng ký hộ khẩu tại ấp Ô, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long nhưng anh D đã bỏ địa phương đi đâu và làm gì khoảng trên 10 năm nay ông không rõ, chỉ có ngày Tết hoặc đám tiệc thì anh D có về nhà anh ruột. Còn việc D cưới vợ, mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì ông hoàn toàn không biết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 20/9/2017, người làm chứng anh Phạm Văn H trình bày: Anh là anh ruột của anh Phạm Quốc D, giữa D và Nguyễn Thị Trúc Ph kết hôn vào năm 2007, sau khi kết hôn thì hai vợ chồng D đi làm ăn ở Sài Gòn, sau đó anh D bị xử phạt tù phải đi chấp hành án khoảng 05 năm, trong thời gian D đi chấp hành án thì Ph có đến thăm nuôi khoảng 03 năm đầu, thời gian sau này thì Ph không còn thăm nuôi D nữa. Cuối năm 2016 D chấp hành án xong trở về địa phương được khoảng 15 ngày, sau đó vợ chồng mâu thuẫn, anh có đến gia đình chị Ph để hòa giải cho Ph và D đoàn tụ nhưng không thành, D và Ph tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2016 cho đến nay không ai tới lui thăm nom, giúp đỡ gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc Ph, xử cho chị Ph ly hôn với anh Phạm Quốc D. Về án phí: buộc nguyên đơn nộp theo quy định tại

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Phạm Quốc D được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T và anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên Tòa nhưng ông T và anh H đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/9/2017. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Trúc Ph và anh Phạm Quốc D thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53 vào ngày 05/5/2007 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh D là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2011 cho đến nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì và nội dung sự việc được gia đình hai bên động viên nhiều lần nhằm để chị Ph và anh D hàn gắn tiếp tục chung sống nhưng không đạt kết quả và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị Ph và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị Ph là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Ph xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Ph xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc Ph phải nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc Ph. Xử cho chị Ph ly hôn với anh Phạm Quốc D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Trúc Ph nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Ph đã nộp theo biên lai thu số 0014040 ngày 08/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, chị Ph không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Tr;
 - THADS huyện Tr;
 - UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 05/5/2007);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Văn Năm